TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày: 10 - 01 - 2023
V/v: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLPT- DS ngày 20/10/2022 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS – ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HHbị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2021/QĐXX-PT ngày 30/12/2023

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Hương, sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm Ninh Hà, xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh NĐ;

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Bùi, xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ;

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ;

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm NT, xã HG, huyện HH, tỉnh NĐ.

5. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị M là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt bà M, ông Dương, anh Hợp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 17-5-2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Năm 1972, cụ Nguyễn Văn Rực chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Doanh, bà Phạm Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị Tơ mỗi hộ một phần thổ đất của cụ Rực. Trong đó, phần đất ông Doanh, bà M nhận chuyển nhượng có chiều cạnh và tứ cận như sau: Cạnh nam giáp đường 16,0m; cạnh đông giáp ông Oanh bằng cạnh Tây giáp đường dong xóm đến hết thổ; cạnh bắc giáp ông Lâm 17,0m. Phần đất ông Oanh, bà Tơ nhận chuyển nhượng liền kề phía đông thổ ông Doanh rộng hơn thổ ông Doanh 1m chiều rộng. Tại thời điểm chuyển nhượng, sau khi nhận mốc, ranh giới quyền sử dụng đất giữa thổ ông Doanh và thổ ông Oanh phân định bởi hàng tre từ điểm đầu phía nam đến hết phần ao. Đoạn giữa thổ là sân, nhà cấp bốn hai nhà song song liền nhau, hai điểm đầu cùng nam bắc ranh giới đóng hai cọc bê tông. Hộ ông Doanh và hộ ông Oanh sử dụng đất đến năm 1997 thì đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó: Thửa số 128 tờ bản đồ 35 diện tích 655m^2, tên người sử dụng hộ ông Nguyễn Văn Doanh; thửa số 122 tờ bản đồ 35 diện tích 760m^2, tên người sử dụng hộ ông Nguyễn Văn O. Quá trình sử dụng, năm 1999, ông Doanh khoan giếng UNICEF phía góc sân phía đông trước nhà, trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Doanh, tại vị trí tiếp giáp thổ ông Oanh. Sau khi khoan giếng được 2 ngày thì vợ chồng ông Oanh xin góp ½ số tiền khoan giếng để sử dụng chung. Để tiện cho việc sử dụng, gia đình bà M đã chuyển vị trí đặt bơm tay giếng khoan về phía đông vị trí đã khoan, trên phần đất ranh giới giữa hai gia đình. Năm 2002, ông Oanh chuyển nhượng toàn bộ thổ đất cho ông Dương là anh trai ông Oanh và ông Doanh.

Năm 2015 ông Doanh chết, bà M vào nam làm ăn, sinh sống cùng các con. Nhà chính không có ai ở nhưng trên phần đất phía nam thổ đất, bà M đã đồng ý chia cho con trai thứ một phần đất để xây nhà nhưng chưa làm thủ tục chia tách quyền sử dụng đất. Trong thời gian bà M ở trong nam, ông Dương đã yêu cầu anh Hợp đào lũy tre giữa hai nhà, tự tìm xóm trưởng đến đo và nhận mốc giới, xây tường rào ngăn cách với thổ bà M.

Năm 2021, bà M về quê thì thấy cọc bê tông và lũy tre là ranh giới giữa hai nhà đã mất, thay vào đó là hàng rào lưới B40 ngăn cách giữa hai nhà. Giếng khoan UNICEF nay thuộc phía đông tường rào, trên phần đất mà ông Dương nhận sử dụng. Bà M đã có ý kiến đề nghị ông Dương xem xét lại mốc giới quyền sử dụng đất nhưng ông Dương nói trước khi xây tường rào đã tự đo đủ diện tích sử dụng.

Do vợ chồng ông Dương, bà Hương xây tường rào, sử dụng lấn chiếm ranh giới đất khiến cho đất bà M bị thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Bà M đã yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hải Giang hòa giải nhưng không thành. Đến nay, bà M yêu cầu Tòa án xác định diện tích thửa 128 tờ bản đồ 35 xã Hải Giang diện tích 655 m^2 và xác định ranh giới giữa thửa đất số 128 và thửa đất số 122 cùng thuộc tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang là đường thẳng cách cột mốc điểm đầu nam và cột mốc điểm đầu bắc 0,5m nối các điểm 14, 15, 11; yêu cầu gia đình ông Dương trả lại phần đất lấn chiếm 26m^2, giới hạn bởi các điểm 2-11-15-14-5-4-3-2 (theo sơ đồ đo đạc ngày 06-7-2022) và tháo dỡ các tài sản trên đất để trả lại phần đất lấn chiếm cho hộ gia đình bà M sử dụng.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con bà M và ông Doanh) gồm anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H cùng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị M.

* Tại bản tự khai ngày 14/6/2022, đơn đề nghị ngày 22/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Thành D, bà Trần Thị Hương cùng ý kiến trình bày:

Ông Doanh, ông Oanh, ông Dương là anh em trai, con đẻ cụ Rực. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thổ đất hộ ông Doanh và thổ hộ ông Oanh, việc các bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà M đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc bà M trình bày thổ ông Doanh khi nhận chuyển nhượng cụ Rực giao cạnh nam giáp ngõ dài 16 m là không đúng, thực tế khi giao chỉ là 15m và khi đo thực địa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15,2m.

Trong suốt thời gian sử dụng, mặc dù là anh em ruột nhưng giữa gia đình ông Doanh và gia đình ông Oanh liên tục mâu thuẫn. Năm 2002, vợ chồng ông Oanh, bà Tơ đã chuyển nhượng toàn bộ thổ đất cho vợ chồng ông Dương, bà Hương. Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng, ông Oanh có mời đại chính xã, đại diện UBND xã, ông Doanh đến để bàn giao quyền sử dụng đất cho ông Dương. Tại biên bản bàn giao lập ngày 28 tháng 5 năm 2002, có mặt ông Doanh, ông Oanh, ông Dương, các bên đã thống nhất xác định chiều cạnh và mốc giới giữa thổ ông Doanh và thổ ông Dương, cụ thể: Cạnh nam thổ ông Doanh 15,2m tiếp giáp cạnh nam thổ ông Dương 17,5m; cạnh bắc thổ ông Doanh 16m tiếp giáp cạnh bắc thổ ông Dương 17,7m; diện tích cả hai bên đủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Mốc giới giữa hai nhà vẫn là hai cọc tại hai điểm đầu nam bắc. Mặc dù nhận bàn giao, sử dụng nhà đất từ ông Oanh từ năm 2002 nhưng đến năm 2016, vợ chồng ông Dương, bà Hương mới làm thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích, chiều cạnh, tứ cận đúng với hiện trạng sử dụng và số liệu ông Oanh đã được ghi nhận trên bản đồ

địa chính. Cuối năm 2020, bà M ở trong nam cùng con, ông Dương đã nói anh Hợp là con trai cả bà M cùng đánh hàng tre để ông Dương xây tường rào, đổ bê tông cho sạch sẽ cả hai bên gia đình. Sau đó, ông Dương đã đổ cột bê tông, làm hàng rào lưới B40 từ điểm đầu mốc giới phía nam vào đến phần nhà ở cấp bốn của bà M. Phần phía sau hai nhà, mốc phía bắc thổ đất do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông Dương vẫn để bà M sử dụng sang đất ông Dương 40 cm về phía tây cây lúc lác kéo thẳng đến mép phía đông nhà cấp bốn hộ bà M diện tích 4 m^2.

Như vậy, thực tế, bà M còn sử dụng lấn chiếm đất nhà ông Dương nên ông Dương, bà Hương không chấp nhận yêu cầu của bà M và các con bà M. Vợ chồng ông Dương, bà Hương yêu cầu Tòa án xác định ranh giới giữa hai nhà là điểm 2-3-4-5 theo sơ đồ đo đạc công ty TNHH Ân Khánh cung cấp. Gọi điểm 2' là cột bê tông mà bà M dựng (nằm giữa điểm 2-11, trong đó điểm 2' cách điểm 2 là 40cm). Đề nghị Tòa án buộc hộ gia đình bà M trả lại phần đất lấn chiếm giới hạn bởi các điểm 2-2'- 3-2 diện tích 4m^2 cho gia đình ông Dương, bà Hương sử dụng.

* Tại bản tường trình ngày 14/6/2022, người làm chứng ông Nguyễn Văn O, ông Nguyễn Văn T có lời khai phù hợp với lời khai ông Dương, bà Hương. Theo ông Oanh: Thời điểm vợ chồng ông Doanh, bà M khoan giếng UNICEF, phần giữa hai thổ là nhà cấp bốn và sân liền nhau, gia đình ông Oanh đi qua sân nhà ông Doanh ra đường nên mốc giới không rõ ràng. Khi đặt máy khoan giếng, hai bên cũng không cùng nhau xác định ranh giới, cũng vì khó khăn nên chưa ai nghĩ đến việc vây quây thổ. Ông Oanh và ông Tiến đều khẳng định: Việc ông Dương đổ cột, xây tường rào là sử dụng đúng ranh giới, không lấn chiếm đất nhà bà M như mẹ con bà M trình bày.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS – ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HHquyết định.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử không chấp nhận yêu cầu về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của bà Phạm Thị M đối với ông Nguyễn Thành D, bà Trần Thị Hương. Chấp nhận yêu cầu về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Thành D đối với bà Phạm Thị M.

1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 122 và thửa 128 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang gồm các đoạn thẳng (1.1m+23.4m+18m) giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5.

2. Xác nhận phần đất diện tích 26m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-11-15-14-5-4-3-2 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thành D, bà Trần Thị Hương.

3. Buộc hộ gia đình bà Phạm Thị M trả lại cho ông Dương, bà Hương phần diện tích đất 4m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-2'-3-2.

(Việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất có sơ đồ vẽ kèm theo).

4. Ông Nguyễn Thành D, bà Trần Thị Hương được sở hữu 01 giếng khoan UNICEF nhưng phải trả cho bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị M phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án. Bà M đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng theo quy định pháp luật và đã nhận lại đủ số tiền còn dư 10.000.000đ (mười triệu đồng) từ tiền tạm ứng.

6. Án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M.

* Ngày 24/8/2022 bà Phạm Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu của bà.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS – ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang diện tích 760 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 tên vợ chồng ông Nguyễn Thành D, bà Trần Thị Hương. Nguồn gốc thổ đất là do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị Tơ. Thửa đất này có tứ cận như sau: Cạnh bắc giáp đất ông Hanh, ông Vinh; cạnh nam giáp ngõ đi; cạnh đông giáp đất ông Tiến; cạnh tây giáp đất hộ ông Doanh. Giữa nhà ông Dương và các hộ liền kề gồm ông Tiến, ông Hanh, ông Vinh không có tranh chấp với nhau về ranh giới quyền sử dụng đất.

Thửa số 128 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang diện tích 655 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 tên hộ ông Doanh, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Doanh, bà M. Liền kề phía bắc thổ bà M là thổ ông Lâm; liền kề phía nam thổ ông Doanh là ngõ đi; phía Đông giáp thổ ông Dương; phía Tây giáp đường xóm. Giữa nhà bà M và nhà ông Lâm không tranh chấp về mốc giới quyền sử dụng đất.

[2.2] Về hiện trạng sử dụng:

Tại vị trí tiếp giáp giữa thửa 122 và thửa 128 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang đang tranh chấp, bà M và các con bà M đều xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai thửa là đường thẳng xác định bởi các điểm 11-15-14 như sơ đồ đo đạc hiện trạng do Công ty đo đạc cung cấp, trong đó: Điểm cực Bắc cách cột bê tông do bà M đổ về phía đất nhà ông Dương dài 50 cm và điểm cực Nam cách cột bê tông dựng hàng rào lưới B40 do ông Dương xây dựng về phía đất nhà ông Dương dài 50cm. Phần đất này diện tích 22 m^2 do gia đình ông Dương đang sử dụng bao gồm cả 01 giếng UNICEF bà M khoan năm 1999.

Vợ chồng ông Dương, bà Hương xác định ranh giới giữa hai nhà là đường thẳng được xác định bởi các điểm 2-3-4-5 như sơ đồ đo đạc hiện trạng, trong đó đoạn thứ nhất xác định từ thẳng mép cột bê tông giáp đất nhà bà M đến mép đầu hồi nhà bà M; đoạn thứ hai xác định từ đầu hồi nhà bà M về phía bắc đến điểm cực Bắc (cách cột bê tông do bà M dựng về phía đất nhà bà M dài 40 cm). Như vậy, so với hiện trạng sử dụng, hộ bà M thực tế đang lấn chiếm quyền sử dụng đất của hộ ông Dương tại phần ranh giới bắc diện tích 4m^2. Trên phần đất này không có tài sản, không có công trình xây dựng. Ông Dương, bà Hương yêu cầu hộ bà M trả lại phần đất ranh giới đã lấn chiếm diện tích 4 m^2.

Kết quả đo đạc hiện trạng thể hiện: Tổng diện tích đất thửa số 122 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang do vợ chồng ông Dương, bà Hương thực tế sử dụng là 755 m^2 (bao gồm cả phần diện tích đất bà M tranh chấp là 22 m^2), giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 5 m^2. Trong khi đó, các cạnh tiếp giáp ngõ đi, hộ liền kề gồm ông Tiến, ông Hanh, ông Vinh không tranh chấp; chiều rộng ngõ đi cố định và đã được xác định theo bản đồ địa chính hiện hành.

Tổng diện tích đất thửa số 128 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang thực tế sử dụng là 656 m^2 (chưa gồm phần diện tích tranh chấp tổng cộng 26 m^2) nhiều hơn diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1m^2. Trong khi đó, các cạnh tiếp giáp đất ông Lâm không tranh chấp; đường dong xóm, ngõ đi đã được xác định theo đúng bản đồ địa chính.

[2.3] Bà M vẫn khẳng định cạnh nam thửa đất 128 tờ bản đồ 35 xã Hải Giang dài 16m và cạnh bắc dài 17m tính từ đường xóm về phía đông nhưng lại không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về các số đo chiều cạnh như trên. Trong khi đó, sổ đo dã ngoại năm 1997 có chữ ký xác nhận của ông Doanh và ông Oanh thể hiện: Thửa đất số 122 có tứ cận: Cạnh phía Bắc dài 17.7m, cạnh phía Nam dài 17.5m; phía Đông dài 44m; phía Tây dài 42.5m và

thửa đất số 128 có tứ cận: Cạnh phía Bắc dài 16m, cạnh phía Nam dài 15.2m; phía Đông dài 41.5m; phía Tây dài 41.10m. Tại biên bản bàn giao đất ngày 28-5-2002 có chữ ký của ông Doanh, ông Oanh, ông Dương thì thửa đất số 122 có cạnh phía Bắc dài 17.7m, cạnh phía Nam dài 17.5m; thửa đất số 128 có cạnh phía Bắc dài 16m, cạnh phía Nam dài 15.2m. Như vậy, trong tất cả các tài liệu chứng cứ mà các đương sự xuất trình cũng như tài liệu do Tòa án thu thập hiện đang lưu giữ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không có tài liệu nào thể hiện thửa đất 128 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang hộ bà M đang sử dụng có chiều dài cạnh nam 16m và chiều dài cạnh bắc 17m như bà M trình bày.

Hiện nay, tính cả phần diện tích đất đang tranh chấp tổng cộng 26 m^2 (trong đó 22 m^2 mẹ con bà M yêu cầu và 4 m^2 ông Dương yêu cầu) thì hộ ông Dương mới đủ diện tích được Nhà nước giao sử dụng. Hộ bà M thực tế đang sử dụng 660 m^2, trong đó gồm 656m^2 không tranh chấp và 4m^2 ông Dương tranh chấp nằm ở phía Bắc thổ. Như vậy, nếu không tính phần diện tích đất ông Dương tranh chấp thì hộ bà M đã sử dụng đủ diện tích được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc bà M cho rằng diện tích thửa đất số 128 tờ bản đồ 35 xã Hải Giang bị thiếu 22m^2 là không có cơ sở.

[2.4] Căn cứ hồ sơ địa chính, kết quả đo đạc thực địa, hiện trạng sử dụng, lời khai của các đương sự và các tài liệu khác hiện đang lưu hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định: Phần đất diện tích đất 26 m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-11-15-14-5-4-3-2 trên sơ đồ hiện trạng do Công ty Ân Khánh lập ngày 06 tháng 7 năm 2022 thuộc quyền sử dụng của ông Dương, bà Hương. Vì vậy, yêu cầu của bà M về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất diện tích 22 m^2 đối với ông Dương, bà Hương không có cơ sở nên không được chấp nhận. Yêu cầu của ông Dương về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bà M có cơ sở chấp nhận, nên cần buộc bà M phải trả lại diện tích đất 04m^2 cho vợ chồng ông Dương, bà Hương sử dụng là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Phạm Thị M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS – ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của bà Phạm Thị M đối với ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị Hương. Chấp nhận yêu cầu phản tố về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Thành D đối với bà Phạm Thị M.

1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 122 và thửa 128 tờ bản đồ số 35 xã Hải Giang gồm các đoạn thẳng (1.1m+23.4m+18m) giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5.

2. Xác nhận phần đất diện tích 26m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-11-15-14-5-4-3-2 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị Hương.

3. Buộc hộ gia đình bà Phạm Thị M trả lại cho ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị Hương phần diện tích đất 04m^2 được giới hạn bởi các điểm 2-2'-3-2.

(Có sơ đồ ranh giới quyền sử dụng đất kèm theo bản án).

4. Ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị Hương được quyền sở hữu 01 giếng khoan UNICEF nhưng phải trả cho bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị M phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án. Bà M đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng theo quy định pháp luật và đã nhận lại đủ số tiền còn dư 10.000.000đ (mười triệu đồng) từ tiền tạm ứng.

6. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Phạm Thị M.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

Lại Văn Tùng **Nguyễn Đức Cảnh**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng